TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày: 05-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Tùng

2/ Ông Nguyễn Hùng Phước

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Khang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Lương Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 342/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 534/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Số B ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 5 – 6 năm 2023, bà Nguyễn Thị H có đến của hàng ông mua 01 bộ bàn ăn (9 x 18) và 08 ghế, bằng gỗ tràm bông vàng, với giá 12.000.000 đồng và 01 tủ áo cao 1,8m và ngang 2m, loại cây thao lao, với giá 13.500.000 đồng. Tổng số tiền là 25.500.000 đồng. Bà H trả dần còn lại 14.200.000 đồng nhưng bà H không trả tiếp nên ông làm đơn yêu cầu Tổ hòa

giải ấp N giải quyết. Tại phiên hòa giải ấp, bà H xin trả dần mỗi lần 100.000 đồng. Sau đó bà H trả thêm được 2.100.000 đồng, hiện còn lại 12.100.000 đồng nhưng bà H không trả nữa. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là 12.100.000 đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Về kiểm sát tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 12.100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T khởi kiện bà Nguyễn Thị H về việc yêu trả tiền mua bán tài sản còn nợ số tiền 12.100.000 đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*". Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T, thấy rằng; vào khoảng tháng 5 – tháng 6 năm 2023, bà Nguyễn Thị H mua 01 cây tủ và 01 bộ bàn 08 ghế của ông T còn nợ số tiền 14.200.000 đồng. Mặc dù, không ký biên bản xác nhận nợ nhưng tại biên bản hòa giải ngày 12/10/2024 tại nhà văn hóa ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ; nay là xã P, thành phố Cần Thơ; bà H thừa nhận nợ và đồng ý trả dần và sau đó có trả được 2.100.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 12.100.000 đồng. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không có cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến phản bác nào về yêu cầu của nguyên đơn nên xác định bà H còn nợ ông T số tiền 12.100.000 đồng là sự kiện có thật.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 150, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, 430 và 433 Bộ luật Dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn văn T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T số tiền 12.100.000 đồng (Mười hai triệu một trăm ngàn đồng).

2/ Kể từ khi án có hiệu lực và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 605.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn T cũng đã được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

4/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo.

5/ Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN- CHỦ TỌA
Nguyễn Hùng Phước – Lê Thanh Tùng	**Lê Văn Lo**